

## BIỂU TƯỢNG TRÁI TIM, ĐÔI MẮT – SỰ LÍ GIẢI SÁNG TẠO LÀM NÊN SẮC DIỆN THƠ TRỮ TÌNH R.TAGORE

NGUYỄN THỊ BÍCH THÚY\*

Biểu tượng *Trái tim*, *Đôi mắt* (thuộc hệ thống biểu tượng tình yêu theo công thức truyền thống) được nhà thơ R.Tagore sử dụng trong thơ trữ tình-tình yêu như một thi liệu đặc biệt quan trọng. Tính đa chiều, chân lí ẩn chứa trong biểu tượng đã góp phần không nhỏ tạo nên hai thi phẩm toàn bích là *Người làm vườn (NLV)* và *Tặng phẩm của người yêu (TPCNY)*<sup>(1)</sup>. Biểu tượng trái tim, đôi mắt đã hình tượng hóa những ước muốn, khát vọng của tình yêu Ấn Độ; là một minh họa cụ thể cho bức chân dung phác thảo: R.Tagore – người tình của cuộc đời. Trái tim, đôi mắt xuất hiện với tần số cao trong thơ tình Tagore. Chúng không tồn tại độc lập mà kết hợp với nhiều yếu tố nghệ thuật khác để xác lập một quan niệm “tình yêu Ấn Độ” huyền bí và quyến rũ.

### 1. Trái tim

Từ những khái niệm khởi đầu quan trọng của sinh học: *tim* là tâm, là trung tâm của sự sống con người đến những nhận thức có hàm nghĩa rộng hơn, các chức năng trí tuệ (văn hóa Hy-Lạp) hay biểu tượng cho *con người bên trong* (kinh thánh). Văn tự tượng hình cổ biểu thị *trái tim* khá đa dạng. Ở Ai Cập cổ đại, *trái tim* có hình dáng chiếc bình; ở Ấn Độ là hình tam giác lộn ngược; còn trong kinh Coran của đạo Hồi, *trái tim* là ánh sáng vĩnh hằng... Ý nghĩa của biểu tượng *trái tim* có cả một chặng đường dài phát triển, định hình.

Trải nghiệm theo thời gian, từ cổ đại cho đến đời sống văn hóa của thế giới hiện đại, “Trái tim trở thành biểu tượng của tình yêu thế tục, của lòng nhân từ thay thế cho tình yêu thương của Chúa trời, của tình bạn và lẽ phải”<sup>(2)</sup>

Biểu tượng *Trái tim* có một vị trí quan trọng đặc biệt ở Ấn Độ. Nó là nơi trú ngụ của thần Brahma (thượng đế toàn năng); là Shakti (nguyên tố nữ tính của sinh tồn); là nguồn nước nguyên thủy... Trong suy tưởng của người Ấn, *trái tim* con người là nơi chứa đựng, ẩn khuất biết bao điều bí mật, linh thiêng nhất.

R.Tagore có cách hiểu và giải nghĩa biểu tượng *trái tim* rất riêng. Ông không dừng lại ở những nét nghĩa ổn định trong truyền thống mà mở rộng, biến đổi chúng

\* TS, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM.

với các khả năng biểu đạt mới. Bởi thế, biểu tượng *trái tim* của Tagore trong thơ trữ tình đạt hiệu quả thẩm mỹ cao.

Khai thác độc đáo những ý nghĩa ẩn kín và thiêng liêng của trái tim, Tagore gửi gắm vào *NLV*, *TPCNY* biết bao điều mà trái tim đa tình đa cảm muốn nói. Đường như trong chính trái tim mình, nhà thơ không dành chỗ cho những ham muốn riêng tư. Ông diễn tả điều này bằng hình ảnh tượng trưng: “Hãy đập vào trái tim li bì của tôi bằng cái thanh xuân thần diệu của người” và nhân cách hoá: “Tim ta ơi hãy bước ra và hãy đem tình yêu của người đến gặp cõi đời”<sup>(3)</sup>

Biểu tượng *trái tim* trong *NLV*, *TPCNY* đạt tới sự khái quát cao độ với các tầng nghĩa: *trái tim* là vương quốc tình yêu; là nơi tình yêu đem cho và nhận về; là kho báu cất giấu, gìn giữ những điều vô cùng vô tận của tâm hồn... Con người luôn mong muốn tìm hiểu, khám phá, chiếm lĩnh kho báu ấy.

Theo quan sát của chúng tôi, 20 bài/ 85 bài (*NLV*) 4 bài/ 22 bài (*TPCNY*), biểu tượng *Trái tim* được dùng để miêu tả những sắc thái tình yêu. Qua ngôn ngữ biểu tượng, Tagore mong muốn tìm sự hoàn thiện ở *bản ngã* con người. Thi sĩ khéo léo nắm bắt những vận động thâm trầm dai dẳng, những nghịch lí của con tim, để từ đó hiểu sâu xa hơn diễn biến phức tạp của tâm trạng tình nhân:

+ “Tôi thẳng tay bóp nghẹt đau thương vì sợ em cũng làm như vậy. Tôi khao khát rời em rồi đi thật xa, song còn ngần ngại, vì sợ em sẽ biết lòng tôi chỉ là hèn nhát mà thôi. Đó là lí do khiến tôi ngẩng cao đầu thần thờ bước tới trước em...” (bài 41-*NLV*)

+ Anh đã để cuộc đời anh trần trụi dưới mắt em. Anh không giấu em một điều gì. Chính vì thế mà em không biết tất cả gì về anh” (bài 28-*NLV*).

Nhà thơ phân định biểu tượng trái tim ở nhiều góc độ, từ cụ thể đến khái quát. Dựa vào những thống kê trên văn bản, biểu tượng được chia thành 3 nhóm:

- Nhóm 1 gồm các bài 15,16,17,18,22,24,30 (*NLV*). Trái tim biểu lộ các trạng thái tâm trạng yêu đương như hạnh phúc - đau khổ, sung sướng-buồn lo, hy vọng-thất vọng, yêu thương-giận hờn, chờ mong khắc khoải. Ở tầng nghĩa này, biểu tượng đem lại những cảm xúc mạnh mẽ khác lạ...

- Nhóm 2 có các bài 2, 25, 31, 33, 63, 73 (*NLV*), 49, 54 (*TPCNY*). Nhà thơ đưa ra những nhận định bản chất, định tính của trái tim tình yêu qua các định ngữ nghệ thuật có hiệu quả xúc tác cao và khả năng gợi mở vấn đề như: trái tim *trẻ dại*, trái tim *nặng trĩu u buồn riêng tư*, trái tim *mỏi mệt*, trái tim *lang thang*, trái tim *câm nín*, trái tim *cánh chim hoang dại*, trái tim *rao rức chứa đầy chất trời*.

- Nhóm 3 là các bài 27, 28, 37, 48, 56, 83, 85, (*NLV*). Triết lí, quan niệm tình yêu của Tagore được hoàn thiện và thăng hoa qua biểu tượng. Với ông, sự vĩ đại và

hạnh phúc của *Con người*, *Cuộc đời* thể nghiệm chính trong tình yêu. *Được sống, được yêu là một hành động để bất tử.*

Ý tưởng sáng tạo, chủ đích nghệ thuật của thi nhân hiện ra và được thẩm định qua cách dẫn giải biểu tượng trong từng bài thơ.

Nhân cách hóa hình tượng: “Từ tim tôi, hình ảnh của ước muốn riêng tư bay ra rồi nhảy múa” (bài 15- *NLV*), Tagore thể hiện ước muốn vươn tới những điều tốt đẹp cao quý. Nhà thơ ví chúng như ánh sáng khó nắm bắt để rồi chấp nhận nghịch lí từ chính trái tim mình: “Tôi tìm cái mình không thể có và tôi có cái không thể tìm”. Trái tim tình nhân mách bảo chân tình: “... Không quờ tay với khoảng không để tìm điều ngoài hy vọng” (bài 16-*NLV*) bởi tình yêu có được, không ở sự kiếm tìm ảo tưởng, nó ở quanh ta, ở trong chính trái tim ta. Trái tim nhà thơ, trái tim tình nhân cùng hát lên: “Tim anh rung lên từng nhịp như lời ngợi ca” về một tình yêu chân thành giản dị không cầu kì, không che giấu cũng chẳng phô trương. Nó phải là sự kết tinh của nốt nhạc lời ca: “Tình yêu của đôi ta đơn sơ như một bài hát” (bài 16-*NLV*).

Diễn tả niềm vui của một tình yêu đang đầy kí ức tuổi thơ, sinh ra từ cuộc sống lao động bình dị, trái tim nhà thơ dâng tràn cảm xúc; chỉ cần một tiếng chim hót ở lùm cây “bên ấy” cũng đủ làm: “tim tôi ca múa rộn ràng” (bài 17-*NLV*). Trong hình tượng: “Tim ai đó đánh nhịp rộn ràng” (bài 18-*NLV*), tâm thế ban đầu của tình yêu được diễn tả tinh tế, thâm kín mà không kém phần tình nghịch. Trái tim *biết nói* để đem cho và nhận về những lời yêu thương thật dịu dàng: “Trái tim nàng thì thầm nhẹ nhẹ” (bài 22-*NLV*).

Ở bài 24 - *NLV*, biểu tượng *Trái tim* là một kiến giải khá đặc biệt. Mặc dù nó được hình dung như một kho tàng bí mật, cất giấu những nỗi niềm thâm kín, những tình yêu là để *hiển dương* (nghịch lí *Bhakti*), bởi thế nhà thơ khuyên tình nhân: “Bạn ơi đừng chôn chặt trong tim những nỗi niềm thâm kín, hãy kể tôi nghe, chỉ riêng tôi, chỉ kể trong bí mật...”

Và như bức họa bằng ngôn từ, bài 30 - *NLV* phác họa chi tiết đường nét của bức tranh về cái tuyệt đối, cái riêng, sự sở hữu trong tình yêu: “Em là của riêng, của riêng tôi... tôi nắm, gói chặt em trong lưới nhạc tôi giăng”. Ước muốn từ trái tim người tình lan tỏa, biến người mình yêu thành mây, thành bài ca và giấc mộng đẹp.

Như thế, ở nhóm 1, biểu tượng *Trái tim* được nhân cách hoá để trở thành một thực thể sống động, giúp độc giả cảm nhận cụ thể hơn những trạng thái tâm lí, những diễn biến phức tạp của tình yêu.

Ở nhóm 2, với các định ngữ nghệ thuật miêu tả nỗi buồn lo, sự cảm thông chia sẻ nhưng biểu tượng lại được nhà thơ kiến giải bằng *lòng tin*. Cho nên, dù chúng được sử dụng để miêu tả trạng thái buồn, lo âu hay cô đơn, mỗi một như: trái tim *trẻ dai lạc loài* (young straying) (bài 2-*NLV*), trái tim *đơn côi, trần trụi* (bài 33-*NLV*), trái tim

*triu nặng u buồn riêng tư* (the burden of my heart), (bài 25-NLV), *trái tim – cánh chim vùng hoang dại* (the bird of the widederness) (bài 31-NLV), *trái tim mỗi mệt* (weary) (bài 63-NLV), *trái tim hồi hộp* (palpitating) *lang thang* (straying) (bài 54-NLV)... thì giọng thơ cũng không rơi vào u buồn, chán chường. Vì thế, người đọc không chỉ trôi theo dòng cảm xúc bề mặt hình tượng thơ mà được sự đắm chìm trong suy tư trầm trở của biển lớn tình yêu.

Khi nhà thơ viết: “Liệu những trái tim trẻ đại lạc loài có gặp nhau chăng?”, ta như cùng ông băn khoăn lo lắng cho những cặp tình nhân, những lứa đôi, những người trẻ tuổi: “Ai sẽ giúp họ dệt những bài tình ca đắm đuối?”. Nhà thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình kết lại trong nhau để lắng nghe, thấu hiểu mọi tâm tình; để nói hộ tâm tư của những người yêu nhau. Tagore bộc lộ thái độ chân thành, trách nhiệm cao cả đối với thế hệ trẻ:

“Tóc tôi ngã màu hoa râm là chuyện nhỏ nhặt, tôi vẫn hằng trẻ như những người trẻ nhất hoặc vẫn hằng già như những người già nhất sống trong thôn này... tôi thuộc về cùng thời đại với mọi người. Có sao đâu nếu tóc tôi đã ngã màu” (bài 2-NLV).

Thơ sĩ sử dụng ngôn từ có “vở” tôn giáo, nhưng để thể nghiệm “*phần - Đời*” chất chứa ngập tràn trong trái tim tình yêu con người: “Trái tim con rạo rực chứa đầy chất trời”, “Thiên đường trọn vẹn trong trái tim hồi hộp của con” (bài 49-TPCNY). *Trái tim con, trái tim nhà thơ, trái tim mỗi chúng ta* trào dâng niềm vui sướng được sinh ra, lớn lên trong cuộc đời này.

*Trái tim cảm nín, trái tim thâm lặng của Mẹ Đất* là biểu tượng tình yêu của con người với Tổ quốc mình; là thiên đường trong ước mơ con. Tổ quốc – bà mẹ Đất vĩ đại yêu con bằng một tình yêu hi sinh không bờ bến:

“*Từ lòng mẹ  
Mẹ đã nuôi chúng con bằng cuộc đời  
Chứ phải đâu bằng sự trường cửu*” (bài 73-NLV)

Biểu tượng được chiết ra từ chính tình yêu đặc biệt của nhà thơ đối với xứ sở Ấn Độ. Tình yêu đối với quê hương, Tổ quốc ở Tagore thật khác lạ. Ông nói về tình cảm ấy mộc mạc, dung dị nhưng đó là sự chọn lựa không dễ dàng đối với một người đã thành danh và nổi tiếng như ông: “Tôi đi xa để mãi mãi được tái sinh trên đất nước Ấn Độ, Ấn Độ nghèo khổ về yêu thương nhưng tôi vẫn yêu Ấn Độ nhất”.

Biểu đạt ý tưởng ở cấp độ cao, thăng hoa sự bí ẩn linh thiêng của trái tim, các tầng so sánh lạ, hiệu quả đặc tả cao... chính là sự bộc lộ khả năng diễn đạt đặc biệt ở Tagore, với việc khám phá ý nghĩa biểu tượng từ các bài thơ trong nhóm 3.

Ở hình tượng thơ: “Trái tim đem cho người đời với giọt lệ, với bài ca” (bài 27-NLV), Tagore triết lí bằng tình yêu bởi chính tình yêu là những triết lí về sự đam mê và nỗi khổ đau của con người. Ông kêu gọi mọi người hãy đặt lòng tin vào tình yêu cho dù nó có mang lại đau khổ.

“Trái tim là vương quốc của tình yêu” (kingdom of love), (bài 28-NLV) đây là hình ảnh so sánh có tính tượng trưng cao. Người tình nữ được tôn vinh là Nữ hoàng (The queen). Bằng cấu trúc tầng bậc, Tagore triết giải về những nghịch lí muôn đời; về những ước muốn mang đậm tính chủ quan; về những ước mơ giả định (nếu đời anh là viên ngọc, bông hoa, trái tim, phút giây lạc thú, khổ đau...) để dẫn đến một hiện thực khẳng định: *trái tim tình yêu là một thế giới bí ẩn luôn đòi hỏi được khám phá; là nơi đón nhận cả sung sướng lẫn khổ đau trong cõi chân phúc:*

“Nhưng đó lại là trái tim, em ơi, thì biết đâu là bờ là đáy? Dẫu không biết hết biên giới của kinh đô tình yêu, em vẫn là hoàng hậu trị vì trong đó... Nguồn vui, nỗi sầu của tình yêu thường mệnh mông; điều tình yêu thiếu, tình yêu thừa cũng vô cùng vô tận. Tình yêu vẫn gắn gũi với em như chính cuộc đời em đang sống, song có bao giờ em hiểu rõ hoàn toàn”.

Có thể coi bài 28 - NLV là bài thơ tình hay nhất của Tagore. Để diễn tả hết tâm ý tưởng, nhà thơ sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt như cấu trúc hướng nội, yếu tố giả định, hình tượng thơ đầy ẩn tượng... Vì thế, bài thơ kết thúc, câu chữ dừng lại nhưng trái tim tình yêu thì thổn thức không người ngoài.

Trong hình ảnh so sánh có tính phổ biến: “Trái tim là cánh chim hoang dại” (bài 31-NLV), nhưng Tagore lại bộc lộ những xúc cảm riêng tư, khác lạ bằng ngôn ngữ biểu tượng: “Tim tôi, cánh chim vùng hoang dại, đã thấy cả một phương trời trong mắt em”.

Baudelaire (nhà thơ Pháp) có kiểu so sánh riêng: “Trái tim ta như một con chim bay lượn sung sướng” để diễn tả nỗi vui mừng khi tình yêu được gặp tình yêu. Trong hình ảnh liên tưởng, trái tim là biển tình mệnh mông, nhà thơ Đức H.Heine xác nhận: trái tim tình yêu không bao giờ khe khắt; sung sướng, khổ đau của nó đều là vô cùng. Và Kômachì (nữ thi sĩ Nhật Bản) thì lại có sự liên tưởng trái tim với đóa hoa vô định khi nói về sự vô thường của trái tim con người:

“Có một thứ nhạt phai  
Mà không ai nhìn thấy  
Bởi sắc ngoài còn tươi  
Đóa hoa vô định ấy  
Là trái tim con người”<sup>(4)</sup>

Như vậy, cùng là một trong số các hình ảnh so sánh mang ý nghĩa biểu trưng khác nhau, nhưng biểu tượng *Trái tim – Cánh chim vùng hoang dại* được Tagore

sáng tạo ở tầng nghĩa lạ để đi đến khẳng định: một tình yêu hòa hợp, đồng điệu luôn là khát vọng kiếm tìm của các cặp tình nhân Ấn Độ.

*Trái tim là tình yêu*, ở biểu tượng có tầng nghĩa cao này, Tagore thể hiện ý tưởng chủ quan, trong *tình yêu cho và nhận thật hào phóng, không vụ lợi, không tính toán; tình yêu của con người bao trùm vạn vật và sinh linh*: “Tim tôi là của mọi người, tim tôi không phải của tôi dành riêng cho một ai” (bài 37-NLV). Nhà thơ hình dung trái tim là nơi chứa đựng người tình: “Anh ở trong tim em” (bài 83-NLV); là một căn nhà ấm áp và nó sẽ thật sự trống vắng khi không có người mình yêu. Ta có thể tìm thấy những cảm xúc và sự liên tưởng gần gũi như thế trong câu thơ H.Heine: “Trong trái tim anh, em sẽ sống yên bình”.

*Trái tim là ngục tù tình yêu* là hình ảnh tượng trưng có tính gợi hình cao. Nhà thơ miêu tả mặt trái của tình yêu, chỉ ra nguyên nhân tình yêu tan vỡ. Ông gọi tên nó là *sự vị kỉ*. Giọng thơ tha thiết khẩn cầu, hướng tới một tình yêu bao dung rộng mở, không bị trói buộc: “Em yêu! Hãy giải thoát anh khỏi dây ràng buộc âu yếm của tình em” để rồi sau đó trao lại trái tim tự do trong niềm vui được giải thoát: “Xin cho anh thoát khỏi ngải tình quyến rũ và trả lại nguồn sống thanh xuân để rồi trao em trái tim vừa thoát ách ngục tù” (bài 48-NLV)

*Trao tim* (Give me your heat) là một tứ thơ lạ của Tagore. Trao tim là trao tặng tình yêu, trao cả khổ đau cùng hạnh phúc: “Đời em sẽ đầy lo âu phiền muộn... mắt em rco vui vì tình yêu bùng nổ, giọng nói em rập rờn lan theo tiếng cười... nếu vì anh trao tim mình, em yêu” (bài 18-TPCNY).

Hình tượng *Trái tim đạt dào niềm vui* (In the joy of your heat) (bài 45-NLV), là sự đồng vọng của trái tim nhà thơ cùng trái tim độc giả. Giữa thi sĩ và bạn đọc của hiện tại, tương lai đã tìm thấy tiếng nói tri âm. Nhà thơ thổ lộ nỗi băn khoăn: “Bạn đọc, bạn là ai, người trăm năm về sau, đang đọc thơ tôi?”. Và bạn đọc của một trăm năm sau, của ngàn năm sau sẽ hóa giải nỗi lòng thi sĩ. Tâm hồn ông, trái tim ông luôn thuộc về tất cả mọi người.

Con số thống kê từ *NLV, TPCNY* cho thấy, biểu tượng *trái tim* là một trong những chất liệu nghệ thuật đặc biệt làm nên sắc diện thơ trữ tình – tình yêu Tagore. Bằng nhiều cách biểu đạt khác nhau, những bí ẩn kì diệu thiêng liêng cùng những khắc-khoái trần trở của *trái tim* được nhà thơ diễn tả đầy sức thuyết phục. Một thế giới huyền diệu cùng vẻ đẹp tiềm ẩn của con tim hiển hiện trên từng trang thơ, từng bài thơ, lưu giữ ấn tượng trong lòng người đọc.

*Trái tim* Tagore, *trái tim* mỗi chúng ta đang đầy những xót thương và nhớ mong. Cho dù nó chở nặng khổ đau hay tràn đầy lạc thú thì điều ta cảm nhận được sẽ luôn là ở đó chỉ có *tình yêu thương*. Nếu tình yêu được coi là *thiên đường trần gian* thì chân lí cao cả nhất, *trên thiên đường không có chỗ cho lòng hận thù* đã tỏa sáng trong

thơ tình Tagore: “Con tim của chúng ta cứ rong ruổi mãi, khi gặp được tình yêu, bấy giờ cuộc hành trình của nó mới chấm dứt”<sup>(5)</sup>.

Thông điệp nhà thơ mong muốn gửi đến độc giả chính là: *trái tim luôn khao khát cái tuyệt đối, khao khát đạt đến vĩnh hằng*. Chúng ta hãy cùng với Tagore “Rót đầy tiếng hát trong tim tôi”<sup>(6)</sup>, để hiểu một điều: *cái tuyệt đối của trái tim tình yêu ở ngay cạnh chúng ta, ở giữa tấm lòng chúng ta*.

## 2. Đôi mắt

*Mắt* là cơ quan thị giác của con người. Ở tầng nghĩa gốc biểu tượng văn hoá nhân loại, *mắt* là trí giác trí tuệ; là biểu tượng thần thánh; là nơi sinh ra ánh sáng...

Trong khu vườn biểu tượng và thần thoại thế giới, *đôi mắt* giữ vị trí đặc biệt; là phương tiện nghệ thuật được dùng để lí giải những vấn đề nhân sinh. Thần thoại Hy Lạp kể lại rằng: Erymanthe con trai thần Apolong bị mù vì vô tình nhìn thấy điều cấm kị (nhìn nữ thần Aphrodite tắm). Với thần thoại Ai Cập, *đôi mắt* được miêu tả mang hình dáng con chim cắt của thần Horus - biểu tượng ánh sáng, nguồn sống và trí giác. Còn ở Trung Quốc, *đôi mắt* là cánh cửa của “*Tiểu thiên địa*”, mở vào thiên đàng và trần thế.

Với chức năng: *Con mắt của trái tim*, đôi mắt con người có thể bao trùm mọi khái niệm về vẻ đẹp, ánh sáng, thế giới, vũ trụ và cuộc sống... Người Bambara nói bằng hình ảnh cụ thể: “Mắt nhìn là lòng ước muốn, con mắt là sự thèm khát... thế giới của con người là ở trong con mắt”<sup>(7)</sup>. *Con mắt xấu* là một thành ngữ thông dụng của đạo Hồi, mang nghĩa tượng trưng cho việc gây tác hại đối với người và vật: “Con mắt xấu gây ra cái chết cho một nửa nhân loại, làm cho nhà cửa trống vắng, còn mồ huyệt thì đầy người”<sup>(8)</sup>.

Trong thế giới tình cảm bao la rộng lớn của chúng ta, nhất là trên lãnh địa tình yêu, đôi mắt là tín hiệu khởi đầu, là cửa sổ tâm hồn. Chức năng này thể hiện như một quý ước trong thơ trữ tình – tình yêu.

*Con mắt* là một trong số các biểu tượng trọng yếu của văn hóa Ấn Độ. Từ kinh Veda, Bhagavad Gita, Kinh sách Upanishad đến thần thoại *Tam vị nhất thể*. *Mắt* tương ứng với lửa, có khả năng hủy diệt, thiêu cháy mọi thứ ra tro. *Con mắt* hướng nội của Shiva là để “*nhìn vào nội tâm*”, giúp con người “*nhìn thấy*” Thượng đế. Câu chuyện thần thoại *Kama - Shiva* chứa đựng tư tưởng triết lí nhân sinh: *Con mắt hủy diệt* của Shiva đã đốt thần tình yêu Kama thành tro bụi nhưng thành quả tu luyện khổ hạnh của thần cũng phút chốc tan vào mây khói. Vậy điều còn lại sau cùng chẳng phải là sự vĩnh hằng của tình yêu đó sao?

Ca dao trữ tình Ấn Độ diễn tả thật tình tứ sự bao bọc chở che của *đôi mắt* tình yêu:

“Xin mời anh vào khốe mắt em  
Em sẽ lấy vành mi ủ lại,  
Tuy không thấy gì đâu có ngại,  
Vì trong mắt em đã có anh yêu”

Trên thực tế, tạo hóa ban cho người Ấn Độ một đôi mắt với những nét đặc trưng: to, sáng, hình hạt hạnh nhân, rợp bóng dưới hàng mi dài, đậm thắm mà nhanh nhẹn cùng vẻ suy tư đầy nhiệt tình và cảm thông. “*Đôi mắt Ấn Độ*” của R.Tagore là sự hội tụ đầy đủ những đặc trưng ấy: “*Đôi mắt màu hạt dẻ, sáng ngời dưới bóng hàng mi dài, tất cả toát ra một vẻ đẹp toàn thiện...*”<sup>(9)</sup>. Ở đó in dấu thế giới tâm hồn nhà thơ: đa tình, đa cảm, tràn đầy tình thương; là nơi thể hiện những cảm xúc tinh tế cùng sự đồng cảm của trái tim ông.

Từ nghĩa gốc biểu tượng văn hóa truyền thống và những cảm nhận thực tế, *Đôi mắt* trở thành hình tượng văn học đạt hiệu quả thẩm mỹ cao, có sắc thái riêng trong thơ tình Tagore. Nhà thơ nói về chức năng của biểu tượng: “*Đôi mắt ta liên hệ với nhau trong một sự hòa đồng tác động tuy hai mà một*”<sup>(10)</sup>

Theo quan sát của chúng tôi, trong 85 bài thơ của NLV, có tới 38 bài sử dụng biểu tượng *Đôi mắt* để diễn tả thế giới nội tâm nhân vật trữ tình. Sự đa dạng của các định ngữ nghệ thuật có tác dụng miêu tả hiệu quả diễn biến, cấp độ tình cảm cũng như sự phức tạp, phong phú tinh tế của tâm hồn con người.

Biện pháp so sánh, tương trưng, nhân hóa sử dụng trong các bài 11, 12, 19, 28, 31 (NLV), bài 60 (TPCNY): “*Mắt đen hơn mây trời mộng nước*”; “*Tròng mắt hung đen lang thang như chim non rời tổ*”; “*Ánh mắt sáng tươi như đợt gió nhẹ rùng mình, như cánh chim chiều hối hả*”; “*Đôi mắt bán khoăn u buồn như trăng muốn đo biển cả*”; “*Mắt em là cái nôi buổi sáng, là vương quốc của trời sao*”; “*Đôi mắt sáng như những vì sao ban mai*”... đã làm tỏa rộng ý nghĩa biểu tượng. *Đôi mắt* nhân vật trữ tình, *đôi mắt* thiếu nữ, giai nhân Ấn Độ như bỗng trở nên bí ẩn, xa xăm, chứa đựng biết bao điều kì diệu. *Đôi mắt* như *mây*, như *gió*, như *trăng sao*, *bình minh*, như *cánh chim*... là biểu hiện của những tâm hồn thanh tao, dịu dàng; của sự hiến dâng vô cùng vô tận cho tình yêu.

Các trạng thái tình cảm, những diễn biến tâm trạng yêu đương được Tagore miêu tả sinh động qua sự phong phú của các định ngữ: “*Mắt vờn theo mắt*”, “*mắt ngây ngất*” (b16-NLV), “*mắt vẫn vờn kiếm tìm*” (b 23-NLV)... *Đôi mắt* nói bằng ngôn ngữ riêng và phát tín hiệu khởi đầu: “*Tay xiết trong tay, mắt vờn theo mắt, từ đó lịch sử tâm tình đôi ta bắt đầu*” (bài 16-NLV).

Trong bài 21, 30 NLV, biểu tượng *đôi mắt* thể hiện tính chất gợi hình cao: “*Mắt tràn ngập sương lam*”, “*lấn quất trong chiều sâu ánh mắt*”...; hướng người đọc tới thế giới tình yêu hiện hữu, lung linh sắc màu.

Đôi mắt buồn, lo âu, trông chờ, ngóng đợi xuất hiện với tần số cao. Có lẽ đây là trạng thái tình cảm không thể vắng bóng trong tình yêu. Tagore khai thác triệt để nét buồn dâng hiến của biểu tượng bằng nghịch lí *Bhakti* – nghịch lí của tình yêu thương: *trong sự hiến dâng, con người sẽ cảm thấy đỡ mất mát*.

Diễn tả một tình yêu không đủ độ chín: “không nói điều đang nghĩ, chỉ tới rồi đi xa” để nỗi buồn tỏa lan vào tận trái tim người ở lại; giải thích những bí ẩn của trái tim tình yêu, giải bày tâm trạng ẩn chứa nhiều day dứt băn khoăn, Tagore viết: “Đôi mắt dong đây nỗi buồn”, “Đôi mắt băn khoăn u buồn”...

Nghịch lí tình yêu được khám phá bằng những nét duyên dáng hóm hỉnh: “Chàng thì thầm: Em yêu ngược mắt nhìn anh. Tôi nghiêm khắc nhìn chàng và nói: anh hãy đi đi! Nhưng chàng bất động... chàng cài bông hoa lên tóc tôi. Tôi nói: vô ích lắm! Dầu vậy chàng đứng thờ người không nhúc nhích. Chàng gỡ vòng hoa ở cổ tôi ra rồi mang đi. Mất đắm lệ, tôi tự hỏi lòng sao chàng không ở lại?” (bài 36-NLV).

Được dùng thay thế cho ngôn từ, cho mọi cử chỉ và hành động “Mắt thăm lặng”, “Mắt ứa lệ”(bài 62-NLV); “Đôi mắt buồn của tình yêu ngóng chờ và nhỏ lệ” đã phá vỡ giấc mộng đẹp cô đơn. Tình yêu kiếm tìm tình yêu hối hả đa diết (bài 65-NLV). “Đôi mắt lo âu, thao thức âm thầm”(bài 70-NLV) biểu đạt lớp nghĩa: tình yêu là sự chờ đợi, hóa thân trong im lặng.

Ở cách lí giải này, nhà thơ thể nghiệm triết lí: Tâm trạng khắc khoải, nỗi đau khổ trong tình yêu là vô hạn. Tình yêu không dung nạp chỉ sự ấm êm, nhưng nó cũng không đưa người ta đến chỗ tuyệt vọng. Tagore cho những người đang yêu một lời khuyên:

“Hãy đặt lòng tin vào tình yêu cho dầu tình yêu mang lại khổ đau, chẳng nên khép kín lòng mình như thế”(bài 27-NLV)

Khi nhà thơ viết: “Ánh mắt cho niềm vui vượt ra ngoài cõi chết”, “Tình yêu khổ đau trong đôi mắt bình tĩnh”, “Ánh mắt kháng khí da diết cho đau thương mãi mãi mát tươi”, “Ánh mắt thu hết lời ca phong phú trên cung đàn thi sĩ”(các bài số 7,26, 40, 80 - NLV) thì dường như biểu tượng đã được thăng hoa hai lần để trở thành những sáng tạo đầy ấn tượng. Cũng diễn tả ý tưởng này, biểu tượng *đôi mắt* của H.Heine như cùng hòa điệu cảm xúc với Tagore:

*“Nếu nhìn vào mắt của em  
Trong anh tan biến mọi niềm khổ đau”*

Với R.Tagore, *Đôi mắt* là thế giới tâm hồn của tình nhân, được sánh ngang với vũ trụ, với các thiên thể. *Mắt* phát ra ánh sáng thanh khiết. *Mắt* thể hiện tư duy tâm linh. Và trong cuộc hành hương đến xứ sở tình yêu, đôi mắt tinh tế đồng cảm của Tagore vẫn luôn dõi theo định mệnh của các cặp tình nhân, lo lắng chờ che cho họ:

“Ai sẽ ở đó dệt bài ca đắm đuối mà họ đang cất tiếng hát nếu tôi cứ ngồi trên bờ cuộc đời trầm ngâm nghĩ đến sống chết cùng thế giới bên kia?” (bài 2-NLV)

Bằng câu chuyện tình yêu thơ mộng của chàng Tum và nàng Tiêu (truyện thơ Campuchia) nhà thơ Bôtum Mát- thê -xôm (1852-1932), khám phá ý nghĩa biểu tượng bằng liên tưởng bất ngờ:

“Ôi đôi mắt của em đôi mắt  
Đủ để anh sống trọn một đời”

Các nhà thơ tình Puskin, Lermôntốp, Exênhin điển đạt bằng biểu tượng với những liên tưởng mạnh mẽ, thể hiện hoàn hảo vẻ đẹp “*Tâm hồn Nga*”: “Mắt đen ơi, trong cặp sao đen ấy. Tôi thấy cả thiên đường và địa ngục thế lương”; “Anh đón nhìn ánh mắt. Với vợi tựa trời xanh. Xốn xang cả lòng anh. Như biển cồn sóng biếc”<sup>(1)</sup>; “Về bờ phờ thu muộn cặp mắt em”; “Anh thấy trong mắt em biển cả. Cháy chập chờn ánh lửa xanh lơ”<sup>(2)</sup>

Còn nhà thơ Pháp, L.Aragông thì lại lấy tên người yêu của mình làm định ngữ cho biểu tượng: “*Đôi mắt Enxa*” để khẳng định tâm hồn thánh thiện của người mình yêu

Biểu tượng *Đôi Mắt* trong *NLV*, *TPCNY* là sự tập trung điển tả chiều sâu tâm hồn tình nhân; là *nét nhấn thị giác* trong mỗi bài thơ. Ý nghĩa nhân bản của biểu tượng tạo dòng cảm xúc mạnh mẽ và cái nhìn trầm tĩnh, bao dung hơn về tình yêu.

Biểu tượng *Trái tim*, *Đôi mắt* trong thơ trữ tình- tình yêu của Tagore đem lại hiệu quả thẩm mỹ cao. Nghĩa gốc biểu tượng, ngôn ngữ biểu tượng phương Đông, ngôn ngữ biểu tượng phương Tây hòa trộn vào nhau tạo nên “*biểu tượng tình yêu của Tagore*”. Các biểu tượng ấy, đem lại cho độc giả cảm xúc mạnh mẽ khác lạ về những điều huyền diệu vô tận của tình yêu con người; đồng thời mở ra những khả năng biểu đạt mới. Ở đó, tâm hồn nhân ái, tình yêu của con người được soi chiếu ở góc độ lạ, vừa dân tộc vừa hiện đại. Với sự khám phá biểu tượng độc đáo sáng tạo, Tagore được người Ấn Độ tôn vinh là *biểu tượng tình yêu, là nhà thơ tình bậc nhất của Ấn Độ*.

#### Chú thích:

- (1). Dịch giả Đỗ Khánh Hoan (2001), *Người làm vườn, Tặng phẩm của người yêu, thơ trữ tình-tình yêu của R.Tagore*, Nxb Đà Nẵng.
- (2). *Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới* (1997), Nxb Đà Nẵng, tr.92.
- (3). Đào Xuân Quý, (1979), *Thơ R.Tagore*, Nxb Văn học, II, tr.181.
- (4). Nhật Chiêu, (1994), *Thơ ca Nhật Bản*, Nxb Giáo dục, tr.69.
- (5). R.Tagore, (1973), *Thực nghiệm tâm linh*, Nxb Kinh Thi, Sài gòn, tr.131.

- (6). Thơ R.Tagore, sdd, tr.185.
- (7). Sdd (2), tr.571.
- (8). Sdd (2), tr.570.
- (9). Phan Nhật Chiêu, Hoàng Hữu Đán, *Tagore- Người tình của cuộc đời*, Nxb Hội nhà văn, tr.27.
- (10). Sdd (5), tr110.
- (11). M.I.Lermôntốp, (1998), *Thơ*, Nxb Văn học, H, tr108.
- (12). X.Exênhin (1995), *Thơ*, Nxb Văn học, H, tr.130.

**Tóm tắt:**

**Biểu tượng Trái tim, Đôi mắt – Sự lí giải sáng tạo  
làm nên sắc diện thơ trữ tình R.Tagore**

*Nhà thơ trữ tình Ấn Độ Rabindranath Tagore sử dụng biểu tượng “trái tim”, “đôi mắt” như một loại ngôn ngữ đặc biệt, có sức gợi cảm khác thường. Cách tiếp nhận, kế thừa sáng tạo của nhà thơ tạo nên những biểu tượng đậm chất Ấn Độ. Phong cách thơ, khuynh hướng thẩm mỹ của Tagore bộc lộ rõ nét qua phương thức biểu đạt này. Bút pháp tài hoa của thiên tài thơ Tagore khiến cho biểu tượng có những “hoá thân” mới và là những dự báo về vẻ đẹp vĩnh hằng của tình yêu.*

**Abstract:**

**Symbols of heart and eyes – creative explanations  
to make characteristics for lyrical poetry by R. Tagore’s**

India lyrical poet Rabindranath Tagore uses the symbols of heart, eyes as a special language with an extraordinary emotion. His creative acquirement, inheritance created symbols with Indian characteristics. His style and aesthetic tendency were clearly revealed through this way of expression. Genius Tagore’s penmanship could change the symbols into “new incarnation” and predict permanent beauty of love.